

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2020.

V/v: “Ly hôn giữa
anh T và chị P”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng.

2. Ông Trần Đình Mạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Do T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Chị Vũ Thị P, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Xóm T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bệnh viện Bưu điện; địa chỉ: Số 49, phố T, phường Đ, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hùng M – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hùng M là: Ông Lê Mạnh Đ, chức vụ: Phó Giám đốc Bệnh viện Bưu điện. (Theo giấy ủy quyền số 2820/GUQ-BVBD-NSTH ngày 21-8-2020 của Bệnh viện bưu điện).

(Tại phiên tòa: Có mặt anh T và chị P; vắng mặt người đại diện của Bệnh viện Bưu điện, nhưng có văn bản xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Phạm Do T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn với chị Vũ Thị P, anh T có kết hôn với một người phụ nữ khác nhưng do không hợp nên anh T và người phụ đó cũng đã làm thủ tục ly hôn theo quy định của pháp luật. Qua sự tìm hiểu, giới thiệu của anh em bạn bè và sau nhiều lần tiếp xúc, anh T và chị Vũ Thị P đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 07-7-2016, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Nam Định và vợ, chồng sống cùng nhà với bố mẹ anh T ở xóm T, xã L được vài tháng thì bố mẹ cho anh T ra ở riêng, ở nhờ tại nhà khác của bố mẹ anh T cũng cùng xóm T. Vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 3 đến 4 tháng thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do: Vợ chồng bất đồng quan điểm về cách sống, chị P đối xử với gia đình anh không tốt, có thái độ thiếu tôn trọng gia đình và các con riêng của anh; cụ thể: Chị P đi làm về chỉ đi chơi mà không có trách nhiệm chăm lo chăm sóc nhà cửa. Anh T đã nói chuyện và khuyên chị P thay đổi nhưng chỉ được một thời gian. Trong cuộc sống vợ chồng sống cùng với 02 con riêng của anh, anh cũng rất mong muốn các cháu và mẹ là chị P sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng chị P lại đối xử không tốt với các cháu. Nghĩ vợ chồng cần có đứa con chung để gia đình gắn kết nhưng chị P không có khả năng sinh con, nên vợ chồng đã cố gắng chạy chữa nhưng đến nay đều không thành công. Từ đó vợ chồng rạn nứt tình cảm, đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm. Nay anh xác định mâu thuẫn vợ, chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được; mặt khác anh không còn tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì đối với chị P. Do đó anh T đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Về phôi của anh T và chị P: Anh và chị P sống với nhau đã lâu và không có con chung nên vợ chồng đã thống nhất sử dụng phương pháp “thụ tinh trong ống nghiệm” tại bệnh viện Bưu Điện. Đến tháng 11 năm 2018, vợ chồng tiến hành tạo phôi tại bệnh viện Bưu Điện và 02 lần chuyển vào cơ thể chị P nhưng đều không thành công. Đến nay còn 04 phôi đang được lưu trữ tại bệnh viện Bưu Điện, ngày 02-01-2019 vợ, chồng có hợp đồng với Bệnh viện Bưu điện để trữ đông phôi, hàng năm vợ chồng phải đóng phí trữ phôi, nếu sau 03 tháng không đóng tiền thì phôi đó sẽ được hiến tặng hoặc hủy đi. Tuy nhiên những thông tin cụ thể thì anh T không biết vì chủ yếu mọi công việc cấy ghép phôi đều do chị P làm việc với bệnh viện, anh T chỉ đi cùng và làm theo hướng dẫn của bác sỹ. Nay chị P yêu cầu chia đôi số phôi đó cho mỗi người được sở hữu, sử dụng 2 phôi. Tại phiên tòa anh T đồng ý chia số phôi đó làm hai và mỗi người được sở hữu 02 phôi.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Vợ chồng không có và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị Vũ Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn, về thời gian địa điểm và điều kiện kết hôn đúng như anh T trình bày. Sau kết hôn

vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 03 đến 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn: Giữa chị với mẹ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Mặc dù vợ chồng ở riêng, nhưng mẹ chồng vẫn sang quản lý, soi mói, chửi vợ chồng chị, thậm chí còn xúc phạm đến chị làm vợ chồng căng thẳng, áp lực, dẫn đến vợ chồng cãi chửi nhau. Vợ chồng chị đã sống ly thân và chấm dứt quan hệ tình cảm từ tháng 8 năm 2019 đến nay. Nay anh T xin ly hôn, chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng kéo dài, nên chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về yêu cầu chia phôi: Chị và anh T sống với nhau đã lâu và không có con chung nên anh chị đã thống nhất sử dụng phương pháp “thụ tinh trong ống nghiệm” tại bệnh viện Bưu Điện. Đến tháng 11 năm 2018, vợ chồng chị đã tiến hành tạo phôi và 02 lần chuyển vào cơ thể chị nhưng đều không thành. Đến nay còn 04 phôi đang được lưu trữ tại bệnh viện Bưu Điện. Ngày 02-01-2019 vợ chồng có hợp đồng với Bệnh viện Bưu điện để trữ đông 04 phôi, hàng năm phải đóng phí trữ phôi, nếu sau 03 tháng không đóng tiền thì phôi sẽ được hiến tặng hoặc hủy đi. Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được hưởng $\frac{1}{2}$ số phôi này để chị tiếp tục sử dụng và hy vọng có con. Chị không có ý định hủy số phôi này vì dù gì đó cũng là một phần cơ thể của chị. Tuy nhiên chị cam đoan không sử dụng phôi này vào mục đích tiêu cực hoặc làm ảnh hưởng đến cuộc sống riêng của anh T.

Về con chung, tài sản, công nợ và những vấn đề khác: Vợ chồng chị không có và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Xử thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P.

- + Về tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản: Đề nghị chia đôi số phôi của anh T và chị P hiện đang được lưu trữ tại Bệnh viện Bưu điện cho mỗi người được quyền sở hữu hai phôi.

- + Về con chung, tài sản, công nợ và các nội dung khác: Đương sự không có và không đề nghị, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- + Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh T và chị P hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn T, xã L, huyện V, tỉnh Nam Định, nên Tòa án nhân dân huyện V thụ lý giải quyết vụ án dân sự về việc “Ly hôn, tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản” giữa anh T và chị P là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, nên hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T và chị P đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh chị đều xác định vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ và đều có nguyện vọng xin được ly hôn; nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện giải quyết để anh T chị P được ly hôn.

Về tranh chấp sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản: Anh T và chị P đều thừa nhận anh chị sống với nhau đã lâu và không có con chung nên anh chị đã thống nhất sử dụng phương pháp “IVF” để chữa hiếm muộn tại bệnh viện Bưu Điện nhưng chưa có kết quả. Đến ngày 02-01-2019, anh chị còn 04 phôi 01 cryotop đang được lưu trữ tại Bệnh viện Bưu Điện. Qua xác minh anh T, chị P có điều trị hiếm muộn tại bệnh viện Bưu Điện bằng phương pháp “IVF”, nhưng chưa có kết quả; đến nay anh chị còn 04 phôi 01 cryotop đang được lưu trữ tại Bệnh viện, các phôi vẫn bình thường và đang được đông lạnh.

Như vậy, việc thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản của anh T và chị P trên cơ sở tự nguyện và có sự bàn bạc thống nhất của vợ chồng. Hiện nay, 04 phôi đang được trữ đông tại Bệnh viện Bưu Điện đó là sự kết hợp giữa tinh trùng của anh T và noãn của chị P bằng phương pháp “Thụ tinh trong ống nghiệm” nên anh T và chị P đều có quyền sử dụng, định đoạt. Việc chia đôi số phôi còn lại ra thì sẽ phát sinh chi phí và làm giảm chất lượng của phôi; nhưng xét thấy, mong muốn được mang thai và được làm mẹ của chị P là nguyện vọng chính đáng và tại phiên tòa anh T cũng đồng ý chia phôi. Vì vậy căn cứ Điều 20, 21 Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ “quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo” thì việc phân chia 04 phôi hiện nay đang được trữ đông tại Bệnh viện Bưu Điện cho anh T và chị P mỗi người được hưởng 02 phôi là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quan điểm, nguyện vọng của hai bên.

Về con chung, tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Anh T, chị P không có, không đề nghị; nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; anh Phạm Do T phải nộp theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 20, khoản 3 Điều 21 của Nghị định 10/2015/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định về sinh con bằng kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm và điều kiện mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

1. Xử thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P.

2. Xác nhận anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P có 04(Bốn) phôi hiện nay đang trữ đông tại Bệnh viện Bưu điện, theo phiếu nhận trữ đông phôi của Bệnh viện Bưu điện lập ngày 02-01-2019. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P: chia cho anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P mỗi người được sở hữu 02 (Hai) phôi.

Anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P phải có trách nhiệm liên hệ với Bệnh viện Bưu điện để làm thủ tục rã đông, chia tách phôi theo quy định của Bộ Y tế và quy định của Bệnh viện Bưu điện. Nếu anh T, chị P hoặc một trong hai người không đến liên hệ với Bệnh viện Bưu điện để làm thủ tục rã đông, chia tách phôi thì Bệnh viện Bưu điện căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết.

Mọi chi phí phát sinh khi rã đông, chia tách phôi anh T và chị P mỗi người phải chịu một nửa.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Phạm Do T phải nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng); số tiền 300.000đ anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001891 ngày 27-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định được đối trừ. (Anh T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm).

Anh Phạm Do T và chị Vũ Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bệnh viện Bưu điện có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.(Bệnh viện Bưu điện có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Phạm Trường Nam